

2019-2020 USA Fencing Rolling Point Standings
V50ME

RANK	CURRENT AS OF NAME	YOB	12/3/2019 DIVISION	ROLLING TOTAL	V50 - DEC PLACE	2018 POINTS	V50 - APR PLACE	2019 POINTS	V50- NTLS PLACE	2019 POINTS	V50 - WORLDS PLACE	2019 POINTS
1	Normile, Jon M	1967	Metro NYC	1485	1	400	np	0	1	400	8	685
2	Tepedelenioglu, Mehmet	1970	Northern CA	800	np	0	np	0	np	0	np	0
3	O'Loughlin, Chris S	1967	Metro NYC	768	2	368	1	400	np	0	np	0
4	Deucher, Joseph H	1969	Nevada	646	6	278	2	368	12	208	45	0
5	Mechkov, Iliya	1969	Illinois	620	5	280	3	340	np	0	np	0
6T	Watrall, Rick	1961	Metro NYC	618	3	340	17	140	6	278	14	0
6T	Rees, Daniel I	1964	Colorado	618	22	130	6	278	3	340	37	0
8	Hayenga, Gary M	1962	Michigan	616	3	340	25	124	7	276	np	0
9	Loeffler, Carl	1964	Southern California	550	31	112	11	210	3	340	np	0
10	Gillham, Timothy A	1964	Wisconsin	548	8	274	19	136	8	274	np	0
11	Perka, Michael F	1961	Central California	490	11	210	16	200	5	280	np	0
12	Lang, Markus	1965	N. Carolina	480	27	120	3	340	17	140	np	0
13	Hudson, Jeffrey	1962	Southwest Ohio	428	9	214	9	214	19	136	np	0
14	Johnson, Jeff	1964	Western WA	420	21	132	13	206	9	214	np	0
15	Frank, Frederick	1963	Oregon	410	20	134	7	276	23	128	np	0
16	Iliev, Velizar K	1966	South TX	368	np	0	np	0	2	368	np	0
17	Pouliquen, Benoit	1961	Minnesota	346	24	126	10	212	20	134	np	0
18T	Nixon, Mark	1961	Southern California	342	17	140	15	202	np	0	np	0
18T	Sumler, Jeffery	1963	New England	342	49	54	18	138	14	204	np	0
20	Wilson, Jeffrey	1970	Columbus	341	np	0	np	0	np	0	np	0
21	Hitchcock, David	1966	Virginia	332	10	212	27	120	28	118	np	0
22	Mazzoli, Julio C	1961	Metropolitan NYC	330	34	69	14	204	24	126	np	0
23	Balestracci, Chris	1962	Connecticut	318	40	63	29	116	15	202	np	0
24	Hanahan, Thomas	1961	Indiana	316	14	204	np	0	31	112	np	0
25	Didaskalou, Ilias L	1964	Metro NYC	276	7	276	np	0	np	0	np	0
26	Rood, Alex	1965	Northern CA	274	np	0	8	274	np	0	np	0
27	Esval, Kevin	1963	Tennessee	267	16	200	46	57	36	67	np	0
28	Jensen, David	1962	Southern California	266	15	202	39	64	np	0	np	0
29	Desamours, Georges H	1967	Virginia	262	22	130	21	132	69	0	np	0
30	Stephen, Dennis L	1970	San Bern'do	260	0	0	np	0	np	0	np	0
31	Kline, R. Jay	1970	Northern Ohio	258	np	0	np	0	np	0	np	0
32	Nguyen, Cuong T.	1964	Nevada	256	26	122	20	134	39	64	np	0
33	Gumagay, Paul	1968	Virginia	252	np	0	26	122	22	130	np	0
34	Saylor, David	1962	Georgia	246	57	46	np	0	16	200	np	0
35	Suponya, Sergey	1966	New Jersey	212	np	0	np	0	10	212	np	0
36	Train, Timothy D	1969	Maryland	210	np	0	np	0	11	210	np	0
37T	Frey, Wayne N	1966	Gateway FL	206	np	0	np	0	13	206	np	0
37T	Mehall, Michael	1969	Utah-S.Idaho	206	13	206	np	0	np	0	np	0
37T	Kuritz, Marc M	1970	San Diego	206	np	0	np	0	np	0	np	0
40	Suveg, Bela	1962	CAN	200	33	70	22	130	np	0	44	0
41	Hergert, Earl	1967	New Jersey	194	25	124	np	0	33	70	np	0
42	Parte, Aidan	1967	New England	192	61	42	35	68	25	124	np	0
43	Greene II, Charles E	1963	Maryland	188	28	118	33	70	np	0	np	0
44T	Skopik, August	1961	Gulf Coast	183	38	65	28	118	np	0	np	0
44T	Trifiletti, Lawrence T	1966	Colorado	183	np	0	30	114	34	69	np	0
46	Schultz, Douglas B	1969	Michigan	181	np	0	44	59	26	122	np	0
47	Davis, Andrew	1968	Northern CA	178	np	0	31	112	37	66	np	0
48	Stewart, Robert	1968	Oregon	177	44	59	42	61	29	116	np	0
49	Beck, Brian C	1964	Central CA	171	np	0	23	128	60	43	np	0
50	Beittel, David F	1963	Northern CA	168	np	0	49	54	30	114	np	0
51T	Kruger, Mark	1962	Colorado	165	48	55	32	110	np	0	np	0
51T	Kaufman, Joel H	1969	Central CA	165	np	0	48	55	32	110	np	0
53	Ochs, Bradley	1961	Michigan	161	32	110	52	51	np	0	np	0
54	Thomas Jr., Robert D	1970	N. Carolina	140	np	0	np	0	np	0	np	0
55	Schindler, Sergey M	1961	Northern CA	138	np	0	np	0	18	138	np	0
56	Clark, Timothy J	1969	National	132	np	0	np	0	21	132	np	0
57	Swanson, David	1962	Illinois	131	41	62	34	69	59	44	np	0
58T	Poppre, Michael N	1962	Arizona	126	np	0	24	126	np	0	np	0
58T	Amrine, Terry L	1964	Columbus OH	126	35	68	np	0	45	58	np	0
58T	Kim, Brad Kjeong	1970	Virginia	126	np	0	np	0	np	0	np	0

np = Did not earn points (including not competing)

2019-2020 USA Fencing Rolling Point Standings
V50ME

RANK	CURRENT AS OF		12/3/2019 DIVISION	ROLLING TOTAL	V50 - DEC 2018		V50 - APR 2019		V50- NTLS 2019		V50 - WORLDS 2019	
	NAME	YOB			PLACE	POINTS	PLACE	POINTS	PLACE	POINTS	PLACE	POINTS
61	Lee, Peter H	1970	Nevada	124	np	0	np	0	np	0	np	0
62	Popovici, Alexander M	1962	Gulf Coast	123	43	60	40	63	44	59	np	0
63	Harrington, Joseph	1967	Central Florida	120	np	0	np	0	27	120	np	0
64	Baraff, David	1965	Northern California	119	52	51	35	68	np	0	np	0
65T	Baxter, Daniel J	1961	Oregon	116	29	116	np	0	np	0	np	0
65T	Jones, John M	1962	New England	116	52	51	np	0	38	65	np	0
67	Nemazie, David A	1966	Maryland	115	36	67	55	48	np	0	np	0
68	Van Golen, Kenneth	1964	Philadelphia	114	30	114	np	0	np	0	np	0
69	Blanchard, Aaron S	1968	New Jersey	112	47	56	np	0	47	56	np	0
70	Mills, Tim	1968	Columbus	111.5	46	57	np	0	48.5	54.5	np	0
71	Williams, Richard	1965	Columbus	104	49	54	53	50	53.5	49.5	np	0
72T	Gillespie, Jeremy	1961	Virginia	100	60	43	np	0	46	57	np	0
72T	Dickson, Tim	1962	Indiana	100	56	47	np	0	50	53	np	0
74	Kain, Brad	1964	New England	92	63	40	51	52	np	0	np	0
75	Lipton, Michael D	1961	Northern CA	90	64	39	55	48	61	42	np	0
76	Brus, Brian V	1966	Oklahoma	66	37	66	np	0	np	0	np	0
77	Feldman, Adam	1965	Harrisburg	65	np	0	38	65	np	0	np	0
78	Szego, Levente	1969	Capitol	64	39	64	np	0	np	0	np	0
79	Kokenge, Chad	1968	New Jersey	63	np	0	np	0	40	63	np	0
80	Lee, Stephen K	1966	Northern CA	62	np	0	41	62	np	0	np	0
81	Crouch, William John	1963	Louisiana	61	np	0	np	0	42	61	np	0
82T	Spencer, Richard E	1964	Nevada	60	np	0	43	60	np	0	np	0
82T	Mrak, Michael R	1969	New Jersey	60	np	0	np	0	43	60	np	0
84T	Clinefelter, Dennis S	1965	Oregon	58	np	0	45	58	np	0	np	0
84T	Peistrup, Gregory L	1966	Nevada	58	45	58	np	0	np	0	np	0
86	Kuhn, Jeffrey	1966	Minnesota	56	np	0	47	56	np	0	np	0
87	Pitzel, John	1963	Kansas	54.5	np	0	np	0	48.5	54.5	np	0
88	Rifkind, Neil	1966	Metropolitan NYC	53	66	0	50	53	np	0	np	0
89	Gregory, Dean	1966	Gulf Coast	51	np	0	np	0	52	51	np	0
90	Powers, Bill	1968	Virginia	49.5	np	0	np	0	53.5	49.5	np	0
91	Ritchie, Mark T	1968	Northeast PA	49	54	49	np	0	np	0	np	0
92	Chien, William	1962	Southern CA	48	55	48	np	0	np	0	np	0
93	Gauriat, Olivier	1969	Southern CA	47	np	0	np	0	56	47	np	0
94T	Rogers, John D	1968	Northern CA	46	np	0	57	46	72	0	np	0
94T	Reid, Michael	1969	New Jersey	46	np	0	np	0	57	46	np	0
96T	McIntosh, Michael	1963	Metro NYC	45	58	45	np	0	np	0	np	0
96T	Kwok, William	1965	New Jersey	45	np	0	np	0	58	45	np	0
98	Papadopoulos, Nic	1963	Virginia	44	59	44	np	0	np	0	np	0
99	Pierro, Roger	1962	Metropolitan NYC	40	np	0	np	0	63	40	np	0
100	Chen, Chang-Rung	1968	Maryland	39	np	0	np	0	64	39	np	0

np = Did not earn points (including not competing)

2019-2020 USA Fencing Rolling Point Standings
V50ME

CURRENT AS OF	V40 - DEC	2018	V40 - APR	2019	V40- NTLS	2019
12/3/2019	PLACE	POINTS	PLACE	POINTS	PLACE	POINTS
Normile, Jon M	np	0	np	0	np	0
Tepedelenioglu, Mehmet	np	0	1	400	1	400
O'Loughlin, Chris S	np	0	np	0	np	0
Deucher, Joseph H	np	0	np	0	np	0
Mechkov, Iliya	np	0	np	0	np	0
Watrall, Rick	np	0	np	0	np	0
Rees, Daniel I	np	0	np	0	np	0
Hayenga, Gary M	np	0	np	0	np	0
Loeffler, Carl	np	0	np	0	np	0
Gillham, Timothy A	np	0	np	0	np	0
Perka, Michael F	np	0	np	0	np	0
Lang, Markus	np	0	np	0	np	0
Hudson, Jeffrey	np	0	np	0	np	0
Johnson, Jeff	np	0	np	0	np	0
Frank, Frederick	np	0	np	0	np	0
Iliev, Velizar K	np	0	np	0	np	0
Pouliquen, Benoit	np	0	np	0	np	0
Nixon, Mark	np	0	np	0	np	0
Sumler, Jeffery	np	0	np	0	np	0
Wilson, Jeffrey	14	204	np	0	19	137
Hitchcock, David	np	0	np	0	np	0
Mazzoli, Julio C	np	0	np	0	np	0
Balestracci, Chris	np	0	np	0	np	0
Hanahan, Thomas	np	0	np	0	np	0
Didaskalou, Ilias L	np	0	np	0	np	0
Rood, Alex	np	0	np	0	np	0
Esval, Kevin	np	0	np	0	np	0
Jensen, David	np	0	np	0	np	0
Desamours, Georges H	np	0	np	0	np	0
Stephen, Dennis L	26	122	18	138	38	66
Kline, R. Jay	22	130	np	0	23	128
Nguyen, Cuong T.	np	0	np	0	np	0
Gumagay, Paul	np	0	np	0	np	0
Saylor, David	np	0	np	0	np	0
Suponya, Sergey	np	0	np	0	np	0
Train, Timothy D	np	0	np	0	np	0
Frey, Wayne N	np	0	np	0	np	0
Mehall, Michael	np	0	np	0	np	0
Kuritz, Marc M	np	0	13	206	np	0
Suveg, Bela	np	0	np	0	np	0
Hergert, Earl	np	0	np	0	np	0
Parte, Aidan	np	0	np	0	np	0
Greene II, Charles E	np	0	np	0	np	0
Skopik, August	np	0	np	0	np	0
Trifiletti, Lawrence T	np	0	np	0	np	0
Schultz, Douglas B	np	0	np	0	np	0
Davis, Andrew	np	0	np	0	np	0
Stewart, Robert	np	0	np	0	np	0
Beck, Brian C	np	0	np	0	np	0
Beittel, David F	np	0	np	0	np	0
Kruger, Mark	np	0	np	0	np	0
Kaufman, Joel H	np	0	np	0	np	0
Ochs, Bradley	np	0	np	0	np	0
Thomas Jr., Robert D	np	0	np	0	17	140
Schindler, Sergey M	np	0	np	0	np	0
Clark, Timothy J	np	0	np	0	np	0
Swanson, David	np	0	np	0	np	0
Poppre, Michael N	np	0	np	0	np	0
Amrine, Terry L	np	0	np	0	np	0
Kim, Brad Kijeong	24	126	np	0	np	0

np = Did not earn points (including not competing)

2019-2020 USA Fencing Rolling Point Standings
V50ME

CURRENT AS OF	V40 - DEC	2018	V40 - APR	2019	V40- NTLS	2019
12/3/2019	PLACE	POINTS	PLACE	POINTS	PLACE	POINTS
Lee, Peter H	np	0	np	0	25	124
Popovici, Alexander M	np	0	np	0	np	0
Harrington, Joseph	np	0	np	0	np	0
Baraff, David	np	0	np	0	np	0
Baxter, Daniel J	np	0	np	0	np	0
Jones, John M	np	0	np	0	np	0
Nemazie, David A	np	0	np	0	np	0
Van Golen, Kenneth	np	0	np	0	np	0
Blanchard, Aaron S	np	0	np	0	np	0
Mills, Tim	np	0	np	0	np	0
Williams, Richard	np	0	np	0	np	0
Gillespie, Jeremy	np	0	np	0	np	0
Dickson, Tim	np	0	np	0	np	0
Kain, Brad	np	0	np	0	np	0
Lipton, Michael D	np	0	np	0	np	0
Brus, Brian V	np	0	np	0	np	0
Feldman, Adam	np	0	np	0	np	0
Szego, Levente	np	0	np	0	np	0
Kokenge, Chad	np	0	np	0	np	0
Lee, Stephen K	np	0	np	0	np	0
Crouch, William John	np	0	np	0	np	0
Spencer, Richard E	np	0	np	0	np	0
Mrak, Michael R	np	0	np	0	np	0
Clinefelter, Dennis S	np	0	np	0	np	0
Peistrup, Gregory L	np	0	np	0	np	0
Kuhn, Jeffrey	np	0	np	0	np	0
Pitzel, John	np	0	np	0	np	0
Rifkind, Neil	np	0	np	0	np	0
Gregory, Dean	np	0	np	0	np	0
Powers, Bill	np	0	np	0	np	0
Ritchie, Mark T	np	0	np	0	np	0
Chien, William	np	0	np	0	np	0
Gauriat, Olivier	np	0	np	0	np	0
Rogers, John D	np	0	np	0	np	0
Reid, Michael	np	0	np	0	np	0
McIntosh, Michael	np	0	np	0	np	0
Kwok, William	np	0	np	0	np	0
Papadopoulos, Nic	np	0	np	0	np	0
Pierro, Roger	np	0	np	0	np	0
Chen, Chang-Rung	np	0	np	0	np	0